

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299 /2024/HS-ST
Ngày: 17/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Hoàng Thị Cát Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 328/2024/TLST - HS ngày 26 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đối với các bị cáo:

1. Lê Huy C, (tên gọi khác: C xăm), sinh năm 1989 tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12.

Con ông Lê Phước P và bà Nguyễn Thúy L

Bị cáo có vợ tên là Dương Thùy Duyên T (sinh năm 1996 đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016).

Tiền án: Ngày 29/12/2020 bị Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 03 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo Bản án số 159/2020/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/01/2023.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 16/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

2. Trần Ninh T1 (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: Lớp 09/12

Con ông: Trần Văn H và bà Tô Thị H1

Bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Ý A (sinh năm 1985) và có 02con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị hại: 1. Ông Võ Văn M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số G N, khu phố F, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số E L, Phường F, Quận H, Tp Hồ Chí Minh.

(Bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào thời gian đầu tháng 01/2024, Lê Huy C biết được khu vực đồng M thuộc xã P, huyện N có nhiều doanh nghiệp, chủ phà bơm đang tiến hành bơm cát san lấp cho công trình thi công đường C - L nên nảy sinh ý định đe dọa và đập phá đường ống bơm hút cát dẫn đến việc không bơm được cát lên công trình mục đích chiếm đoạt tiền của các doanh nghiệp và chủ phà bơm, nếu không đưa tiền đập phá đường ống, không cho bơm hút cát tại “đồng Mu Rùa”. Vào ngày 03/01/2024, ông Võ Văn M là Phó giám đốc Công ty TNHH V1, đang chỉ đạo công nhân thực hiện hợp đồng bơm cát từ xà lan cung cấp cát cho Công ty V2 đang thi công tại khu vực “đồng Mu Rùa” thì bị một số đối tượng (không rõ nhân thân) đến ngăn cản không cho bơm cát và yêu cầu đưa tiền bảo vệ đường ống thì mới cho bơm cát. Do không bơm hút cát sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thi công nên ông M đã tìm hiểu và biết Lê Huy C ở ấp bà T2, xã P, huyện N, đã cho các đối tượng trên đến đe dọa nên ông M gọi điện vào số điện thoại 0798.429.439 của C và đồng ý đưa tiền cho C, C yêu cầu mỗi khối cát bơm lên công trình sẽ thu 5.000 đồng/1m³, ông M đồng ý. Ngày 04/01/2024, M sử dụng tài khoản ngân hàng Á số 677787778 chuyển số tiền 3.125.000 đồng vào số tài khoản T5 của Lê Huy C (tổng cộng 625m³).

Đến tháng 3/2024, Trần Ninh T1 biết Lê Huy C đe dọa đập phá đường ống bơm hút cát dẫn đến việc không bơm được cát lên công trình mục đích chiếm đoạt tiền của các doanh nghiệp và chủ phà bơm, nếu không đưa tiền đập phá đường ống, không cho bơm hút cát tại “đồng Mu Rùa” thì T1 nói C cho T1 tham gia, C đồng ý. Lúc này Nguyễn Ngọc P1 (sinh năm 1976) mua lại đường ống bơm cát của anh Trần Bách T3 (sinh năm 1973) và anh Nguyễn Tấn T4

(sinh năm 1985) và nhận gia công bơm cát cho Công ty TNHH T6, ông P1 bơm cát từ xà lan chở cát ở khu vực sông Đ, làng B thuộc ấp Bà T2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai lên công trình xây dựng đường C - L, với tổng chiều dài đường ống bơm cát 3,2km. T3 và T4 nói cho P1 biết, trước đây khi bơm cát phải trả “tiền bảo kê” đường ống bơm cát, hay còn gọi là “tiền bảo vệ” đường ống, với số tiền 2.000đồng/m³ cho Lê Huy C, nếu không đưa thì đường ống sẽ bị đập phá. Anh P1 lo sợ không đưa tiền cho C sẽ bị cản trở, đập phá, ảnh hưởng đến việc bơm hút cát, nên anh P1 buộc phải đưa tiền “bảo kê” đường ống bơm cát. Ngoài ra, anh P1 còn trả cho C tiền môi giới bơm cát là 3.000 đồng/m³ (do C môi giới cho ông P1 được bơm cát cho Công ty TNHH T6) và 1.500đồng/m³ là tiền Công ty TNHH T6 cho riêng C thông qua anh P1. Nhưng trong quá trình vận hành thì chi phí bơm cát gia công tốn nhiều mà không có lời, anh P1 đến gặp C xin giảm tiền “bảo kê” từ 2.000đồng/m³ xuống còn 1.000đồng/m³, nhưng C không đồng ý và yêu cầu anh P1 đến gặp Trần Ninh T1. Sau khi anh P1 gặp T1 thì T1 đồng ý giảm còn 1.500đồng/m³. C và T1 yêu cầu anh P1 phải báo cho C và T1 số lượng cát trên xà lan trước khi anh P1 bơm cát lên công trình làm cơ sở cho C và T1 thu tiền “bảo kê” đường ống bơm cát với giá 1.500đồng/m³. Nếu anh P1 không báo trước thì C và T1 sẽ ngăn cản, không cho anh P1 bơm cát lên công trình. Khoảng tháng 5/2024, anh P1 sử dụng đường ống trên bơm cát cho người khác nhưng không báo cho T1, C biết nên T1 đã gọi điện đe dọa không cho anh P1 bơm cát. T1 gọi điện nói C: “Kêu mấy anh em xuống không cho anh P1 bơm cát”. Sau khi nghe lời đe dọa của T1, anh P1 sợ nên không dám bơm cát và buộc phải thỏa thuận đưa thêm cho T1 và C 1.000đồng/m³, nghĩa là anh P1 phải trả “tiền bảo vệ đường ống” với mức 2.500đồng/m³. Từ tháng 3/2024 đến tháng 6/2024, anh P1 đã 10 lần chuyển khoản (với tổng số tiền 10.596.000 đồng (7.060m³ cát) là tiền bị cưỡng đoạt vào tài khoản ngân hàng M1 số 0798429434 của C. Sau khi nhận tiền của anh P1, C chia cho T1 10.442.000 đồng, C chỉ được hưởng lợi 154.000 đồng (vì C còn được hưởng 31.790.000 đồng tiền hoa hồng do anh P1 và Công ty TNHH T6 cho riêng mỗi khối cát bơm lên công trình là 4.500đồng/m³). C và T1 đã tiêu xài cá nhân hết số tiền chiếm đoạt của anh P1.

Ngoài ra, quá trình điều tra Lê Huy C còn khai nhận vào ngày 13/12/2023, C biết anh Nguyễn Quốc Á (sinh năm 1969) đang đặt đường ống để bơm cát cho Công trình thi công đường C - L thì C dùng điện thoại số 0798.429439 gọi vào số điện thoại 0938.184493 nói với anh Á nếu bơm cát ở khu vực đồng M phải đóng tiền bảo kê 2.000 đồng/m³, anh Á không đồng ý và nói C liên lạc với Võ Trường V vì anh chỉ là người bơm gia công. C gọi điện thoại vào số 0848.686952 của anh V để đòi “tiền bảo kê” đường ống bơm cát là 5.000đồng/m³ anh V nói đây là công trình Nhà nước nên không đồng ý đưa tiền cho C.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, gắn sim của Lê Huy C.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu hồng, gắn sim và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S20 FE màu xanh, gắn sim của Trần Ninh T1.

Tại Cáo trạng số: 319/CT-VKS-NT ngày 18 tháng 11 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo Lê Huy C và Trần Ninh T1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Huy C và Trần Ninh T1 về tội danh, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Huy C từ 16 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Ninh T1 từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

Đề nghị xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, gắn sim của Lê Huy C; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu hồng, gắn sim và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S20 FE màu xanh, gắn sim của Trần Ninh T1 là phương tiện C và T1 sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa tuyên Buộc:

- Buộc Lê Huy C nộp số tiền 154.000 đồng và 3.125.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

- Đối với Trần Ninh T1 đã tác động gia đình bồi thường cho ông Nguyễn Văn P2 số tiền 10.442.000 đồng theo thỏa thuận, ông P2 không yêu cầu T1 bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra Trần Ninh T1 đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N khởi tố tạm giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với số tiền 31.790.000 đồng là tiền hoa hồng do ông P2 và Công ty TNHH T6 thỏa thuận cho riêng Lê Huy C mỗi khối cát bơm lên công trình là 4.500 đồng/m³ không phải tiền do C chiếm đoạt nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Sau khi nghe xong bản luận tội, các bị cáo không có ý kiến gì và không tranh luận đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Huy C và Trần Ninh T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Từ tháng 01/2024 đến ngày 12/6/2024, tại khu vực đồng M thuộc ấp Bà T2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Lê Huy C và Trần Ninh T1, đã thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản, cụ thể: Ngày 04/01/2024, Lê Huy C đã cưỡng đoạt số tiền 3.125.000 đồng của anh Võ Văn M. Từ tháng 3/2024 đến ngày 12/6/2024, Lê Huy C và Trần Ninh T1 đã cưỡng đoạt số tiền 10.596.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc P1.

Lời khai nhận của bị cáo trùng khớp lời khai ban đầu, phù hợp với lời khai của bị hại cùng chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Huy C và Trần Ninh T1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố các bị cáo tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu về mặt an ninh và trật tự trong xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên các bị

cáo đã thực hiện tội phạm. Xét cần áp dụng hình phạt nghiêm để cách li các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian sửa chữa bản thân trở thành người có ích cho xã hội và nhằm răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo Lê Huy C có tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Trần Ninh T1 đã bị khởi tố về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất vụ án nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo C là người chủ mưu cầm đầu bị cáo T1 là người tham gia giúp sức tích cực. Bị cáo T1 là đồng phạm nhưng đã tích cực giúp sức thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản bị hại.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T1 không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo C mới chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản nên áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Đối với bị cáo T1 đã bồi thường cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự cho các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, gắn sim của Lê Huy C; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu hồng, gắn sim và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S20 FE màu xanh, gắn sim của Trần Ninh T1 là phương tiện C và T1 sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Trần Ninh T1 đã bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc P1 số tiền 10.420.000đồng. Ông P1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo T1. Đối với bị cáo Lê Huy C cưỡng đoạt số tiền 154.000đồng của ông P1, ông P1 không có yêu cầu C bồi thường số tiền 154.000 đồng đã chiếm đoạt nên không đặt ra xem xét. Buộc Lê Huy C nộp số

tiền 154.000đồng và 3.125.000 đồng do phạm tội mà có, vào ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 136 BLTTHS và chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 292, 298, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 170 Bộ Luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Huy C, Trần Ninh T1 phạm tội “Cưỡng đoạt đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Huy C 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Ninh T1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2024.

Căn cứ các Điều 46 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, gắn sim của Lê Huy C; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu hồng, gắn sim và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S20 FE màu xanh, gắn sim của Trần Ninh T1 là phương tiện C và T1 sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

Buộc Lê Huy C nộp số tiền 154.000 đồng và 3.125.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 591 BLDS.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Huy C Trần Ninh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Lê Thị Oanh

